

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Quốc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Quốc T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 12-4-2005 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời dẫn đến bị nghiện ma túy. Mặc dù chị và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không từ bỏ được ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh chị sống li thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ

tháng 12-2018 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Quốc T.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Hoàng Quốc T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị Dương Thị H đã trình bày. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Chị H và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Hoàng Hữu Tr, sinh ngày 24-02-2006. Quan điểm của chị H và anh T cùng thống nhất khi ly hôn sẽ giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về con riêng: Chị H và anh T thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H và anh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Hoàng Quốc T. Về con chung: Giao cháu Hoàng Hữu Tr, sinh ngày 24-02-2006 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi lao động, tự lập được; anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Dương Thị H và bị đơn là anh Hoàng Quốc T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với lý do đang phải thực hiện nghiêm

quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Căn cứ vào các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Hoàng Quốc T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 12-4-2005 tại UBND thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi và bị nghiện ma túy nên thường xuyên mang tài sản của gia đình đi cầm cố để lấy tiền sử dụng ma túy, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Nay cả chị H và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị H và anh T thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có một con chung tên là Hoàng Hữu Tr, sinh ngày 24-02-2006. Lời khai của chị H và anh T đều có quan điểm khi ly hôn sẽ giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Xét quan điểm này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị H và anh T cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H và anh T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Hoàng Quốc T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Hữu Tr, sinh ngày 24-02-2006 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi

cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr.

3. Án phí:

- Chị Dương Thị H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004321 ngày 01-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000 đồng.

- Anh Hoàng Quốc T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND thị trấn Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

